

Số: 11 /TB-HĐTD

Nông Công, ngày 22 tháng 3 năm 2023

THÔNG BÁO

**Kết quả xét tuyển viên chức giáo viên mầm non,
giáo viên tiểu học huyện Nông Công năm 2023**

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Công văn số 763/UBND-THKH ngày 17/01/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận Kế hoạch tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Nông Công;

Căn cứ Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 02/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 561/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện Nông Công về việc công nhận kết quả xét tuyển viên chức giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học năm 2023.

Hội đồng tuyển dụng viên chức huyện Nông Công thông báo đến thí sinh kết quả xét tuyển viên chức giáo viên năm 2023:

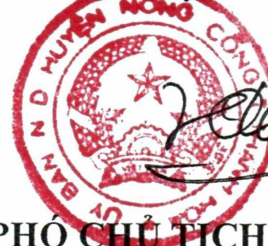
- Kết quả xét tuyển giáo viên mầm non (có danh sách dự tuyển là giáo viên mầm non hợp đồng, danh sách dự tuyển là thí sinh tự do kèm theo)
- Kết quả xét tuyển giáo viên tiểu học (có danh sách thí sinh dự tuyển giáo viên văn hóa, danh sách dự tuyển giáo viên Tin học kèm theo).

Thông báo này được đăng trên trang Thông tin điện tử huyện Nông Công; gửi văn bản theo đường bưu điện đến địa chỉ liên hệ của thí sinh theo Phiếu dự tuyển và niêm yết tại UBND huyện Nông Công./.

Nơi nhận:

- Thí sinh dự tuyển;
- Công TTĐT huyện;
- Phòng: Nội vụ, GD&ĐT;
- Lưu: VT, HĐTD.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Phạm Hồng Hạnh

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN MẦM NON
(Đối tượng xét tuyển: Lao động hợp đồng giáo viên mầm non theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP của Chính phủ)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ đào tạo	Điều kiện ưu tiên	Đơn vị công tác	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển ghi bằng số	Điểm xét tuyển ghi bằng chữ	Trúng tuyển
1	MN-35	Nguyễn Thị Linh	8/9/1990	ĐHSPMN	Không	MN Minh Nghĩa	94.5		94.5	Chín mươi tư phẩy năm	Trúng tuyển
2	MN-52	Ngô Thị Tư	7/2/1993	ĐHSPMN	Không	MN Tượng Văn	94.5		94.5	Chín mươi tư phẩy năm	Trúng tuyển
3	MN-43	Lê Thị Thảo	27/10/1994	CĐSPMN	Không	MN Tượng Sơn	92.5		92.5	Chín mươi hai phẩy năm	Trúng tuyển
4	MN-51	Phạm Thị Thu Trang	5/10/1991	ĐHSPMN	Không	MN Hoa Hồng	92.5		92.5	Chín mươi hai phẩy năm	Trúng tuyển
5	MN-45	Lê Thị Thơm	20/6/1992	ĐHSPMN	Con TB	MN Hoa Hồng	87.0	5.0	92.0	Chín mươi hai	Trúng tuyển
6	MN-36	Phan Thị Hồng Loan	27/2/1991	ĐHSPMN	Không	MN Thăng Long 2	91.0		91.0	Chín mươi một	Trúng tuyển
7	MN-46	Hoàng Thị Thu	8/8/1993	ĐHSPMN	Không	MN Tân Phúc	91.0		91.0	Chín mươi một	Trúng tuyển
8	MN-08	Nguyễn Thị Giang	11/9/1994	ĐHSPMN	Không	MN Tượng Sơn	90.0		90.0	Chín mươi	Trúng tuyển
9	MN-17	Mai Thị Hoa	3/6/1993	CĐSPMN	Không	MN Tượng Sơn	89.0		89.0	Tám mươi chín	Trúng tuyển
10	MN-29	Lê Thị Kim	2/4/1987	ĐHSPMN	Không	MN Tế Nông 1	89.0		89.0	Tám mươi chín	Trúng tuyển
11	MN-47	Nguyễn Thị Thu	2/5/1995	ĐHSPMN	Không	MN Công Liêm	88.0		88.0	Tám mươi tám	Trúng tuyển
12	MN-11	Lường Thị Hằng	19/8/1995	ĐHSPMN	Không	MN Tượng Sơn	87.5		87.5	Tám mươi bảy phẩy năm	Trúng tuyển
13	MN-48	Lê Thị Thùy	17/7/1989	CĐSPMN	Không	MN Hoàng Giang	87.5		87.5	Tám mươi bảy phẩy năm	Trúng tuyển
14	MN-06	Phạm Ngọc Diễm	10/8/1995	ĐHSPMN	Không	MN Tượng Văn	87.0		87.0	Tám mươi bảy	Trúng tuyển
15	MN-16	Lê Thị Hoa	27/8/1991	ĐHSPMN	Không	MN Trung Thành	86.5		86.5	Tám mươi sáu phẩy năm	Trúng tuyển
16	MN-19	Đỗ Thị Hòa	28/12/1980	ĐHSPMN	Không	MN Trường Giang	86.5		86.5	Tám mươi sáu phẩy năm	Trúng tuyển
17	MN-25	Nguyễn Thị Hương	3/1/1995	ĐHSPMN	Không	MN Công Liêm	86.5		86.5	Tám mươi sáu phẩy năm	Trúng tuyển
18	MN-20	Nguyễn Thị Học	3/2/1982	CĐSPMN	Không	MN Tượng Văn	86.0		86.0	Tám mươi sáu	Trúng tuyển
19	MN-27	Nguyễn Thanh Huyền	19/8/1995	ĐHSPMN	Không	MN Trung Chính 1	86.0		86.0	Tám mươi sáu	Trúng tuyển

(Chữ ký)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị công tác	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển ghi bằng số	Điểm xét tuyển ghi bằng chữ	Trúng tuyển
20	MN-30	Nguyễn Thị Lan	20/7/1993	ĐHSPMN	Không	MN Tân Phúc	85.5		85.5	Tám mươi lăm phẩy năm	Trúng tuyển
21	MN-03	Lê Thị Vân Anh	14/8/1995	ĐHSPMN	Không	MN Thăng Long 2	85.0		85.0	Tám mươi lăm	Trúng tuyển
22	MN-13	Trần Thị Hiền	10/10/1983	ĐHSPMN	Không	MN Minh Nghĩa	85.0		85.0	Tám mươi lăm	Trúng tuyển
23	MN-21	Lê Thị Hồng	17/3/1995	CĐSPMN	Không	MN Tể Nông 1	85.0		85.0	Tám mươi lăm	Trúng tuyển
24	MN-41	Trần Thị Như Quỳnh	02/12/1992	CĐSPMN	Không	MN Tể Nông 1	84.0		84.0	Tám mươi tư	Trúng tuyển



Danh sách gồm có 24 người

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN MIỀN CHỨC GIAO VIÊN TIN HỌC TIỂU HỌC

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ đào tạo	Năm cấp chứng chỉ NVSP	Đối tượng ưu tiên	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển ghi bằng số	Điểm xét tuyển ghi bằng chữ	Trúng tuyển
1	TH-05	Đoàn Thị Ngọc Chi	25/12/1983	Cử nhân Tin học	2022	Không	91.5		91.5	Chín mươi một phẩy năm	Trúng tuyển
2	TH-23	Hoàng Thị Thủy	10/02/1985	Cử nhân Tin học	2008	Con TB	85.0	5.0	90.0	Chín mươi	Trúng tuyển
3	TH-06	Lê Kim Giang	29/3/1985	ĐH Tin học	2007	Không	85.0		85.0	Tám mươi lăm	Trúng tuyển
4	TH-19	Trần Thị Phương	10/12/1982	ĐH Sư phạm Tin học		Không	85.0		85.0	Tám mươi lăm	Trúng tuyển
5	TH-22	Cao Bá Thuân	25/9/1989	ĐH Tin học	2017	Không	85.0		85.0	Tám mươi lăm	Trúng tuyển
6	TH-20	Nguyễn Thị Thanh	5/10/1990	ĐH Tin học	2012	Không	82.5		82.5	Tám mươi hai phẩy năm	Trúng tuyển
7	TH-24	Nguyễn Thị Thủy	15/6/1980	ĐH Sư phạm Tin học		Không	82.5		82.5	Tám mươi hai phẩy năm	Trúng tuyển
8	TH-16	Lương Thị Liên	8/3/1987	ĐH Sư phạm Tin học		Con TB	75.0	5.0	80.0	Tám mươi	Trúng tuyển
9	TH-25	Nguyễn Thị Hồng Vinh	4/4/1989	ĐH Tin học	2009	Không	72.5		72.5	Bảy mươi hai phẩy năm	Trúng tuyển
10	TH-08	Lê Thị Hằng	2/9/1986	ĐH Tin học	2009	Không	62.5		62.5	Sáu mươi hai phẩy năm	Trúng tuyển
11	TH-10	Bùi Thị Hoài	17/9/1987	Cử nhân Tin học	2009	Không	62.5		62.5	Sáu mươi hai phẩy năm	Trúng tuyển

Danh sách gồm có 11 người

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN VĂN HÓA TIỂU HỌC

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ đào tạo	Điểm tương đương ưu tiên	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển ghi bằng số	Điểm xét tuyển ghi bằng chữ	Trúng tuyển
1	TH-14	Nguyễn Thị Lê	29/7/2000	ĐH sư phạm tiểu học	Không	87.5		87.5	Tám mươi bảy phẩy năm	Trúng tuyển
2	TH-15	Lê Thị Liên	15/7/1986	ĐH sư phạm tiểu học	Không	86.0		86.0	Tám mươi sáu	Trúng tuyển
3	TH-17	Đỗ Thùy Linh	25/4/1993	ĐH Sư phạm tiểu học	Không	86.0		86.0	Tám mươi sáu	Trúng tuyển
4	TH-02	Phạm Thị Ánh	20/10/1985	ĐH sư phạm tiểu học	Không	85.0		85.0	Tám mươi lăm	Trúng tuyển
5	TH-26	Chung Thị Xuyên	12/3/1985	ĐH sư phạm tiểu học	Không	80.0		80.0	Tám mươi	Trúng tuyển
6	TH-01	Đoàn Thị An	12/4/1980	ĐH sư phạm tiểu học	Không	75.0		75.0	Bảy mươi lăm	Trúng tuyển
7	TH-09	Phan Thị Hoa	7/1/1997	ĐH sư phạm tiểu học	Không	72.5		72.5	Bảy mươi hai phẩy năm	Trúng tuyển
8	TH-13	Lê Thị Lan	7/4/1991	ĐH sư phạm tiểu học	DTTS	62.5	5.0	67.5	Sáu mươi bảy phẩy năm	Trúng tuyển
9	TH-21	Nguyễn Thị Thu	22/12/1994	ĐH sư phạm tiểu học	Không	65.0		65.0	Sáu mươi lăm	Trúng tuyển
10	TH-03	Vương Thị Bình	12/11/1988	ĐH Sư phạm tiểu học	Không	60.0		60.0	Sáu mươi	Trúng tuyển
11	TH-11	Lê Thị Mai Hương	15/02/1989	ĐH Sư phạm tiểu học	Không	50.5		50.5	Năm mươi phẩy năm	Trúng tuyển

Danh sách gồm có 11 người

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN MẦM NON
(Đối tượng xét tuyển: Thị sinh tự do)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển ghi bằng số	Điểm xét tuyển ghi bằng chữ	Trúng tuyển
1	MN-10	Lê Thị Hân	3/6/1991	ĐHSPMN	Không	95.5		95.5	Chín mươi lăm phẩy năm	Trúng tuyển
2	MN-37	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	11/9/1999	ĐHSPMN	Không	95.5		95.5	Chín mươi lăm phẩy năm	Trúng tuyển
3	MN-31	Hoàng Thị Liễu	9/3/1990	ĐHSPMN	Con TB	90.0	5.0	95.0	Chín mươi lăm	Trúng tuyển
4	MN-32	Trương Thị Linh	2/9/2000	ĐHSPMN	Không	94.5		94.5	Chín mươi tư phẩy năm	Trúng tuyển
5	MN-09	Lê Thị Hà	20/4/1984	CĐSPMN	Con BB	89.0	5.0	94.0	Chín mươi tư	Trúng tuyển
6	MN-07	Lê Thị Duyên	13/9/1998	ĐHSPMN	Không	93.5		93.5	Chín mươi ba phẩy năm	Trúng tuyển
7	MN-33	Lê Thị Linh	5/7/1997	ĐHSPMN	Không	93.5		93.5	Chín mươi ba phẩy năm	Trúng tuyển
8	MN-44	Đỗ Thị Thêm	24/1/1996	ĐHSPMN	Không	93.5		93.5	Chín mươi ba phẩy năm	Trúng tuyển
9	MN-04	Nguyễn Thị Chuyên	20/6/1985	ĐHSPMN	Con BB	87.5	5.0	92.5	Chín mươi hai phẩy năm	Trúng tuyển
10	MN-49	Lê Thị Thùy	2/9/2001	CĐSPMN	Không	92.5		92.5	Chín mươi hai phẩy năm	Trúng tuyển
11	MN-39	Lê Thị Nhung	25/10/1997	ĐHSPMN	Không	92.0		92.0	Chín mươi hai	Trúng tuyển
12	MN-01	Đỗ Mai Anh	17/5/2000	ĐHSPMN	Không	91.5		91.5	Chín mươi một phẩy năm	Trúng tuyển
13	MN-02	Trịnh Thị Vân Anh	26/4/1999	ĐHSPMN	Không	91.5		91.5	Chín mươi một phẩy năm	Trúng tuyển
14	MN-40	Nguyễn Thị Oanh	10/6/1989	ĐHSPMN	Không	91.5		91.5	Chín mươi một phẩy năm	Trúng tuyển
15	MN-23	Nguyễn Thị Huệ	1/5/1998	ĐHSPMN	Không	91.0		91.0	Chín mươi một	Trúng tuyển
16	MN-26	Nguyễn Thùy Hương	20/10/1994	ĐHSPMN	Không	91.0		91.0	Chín mươi một	Trúng tuyển
17	MN-22	Văn Thị Huế	3/9/1995	ĐHSPMN	Không	89.0		89.0	Tám mươi chín	
18	MN-42	Phạm Thị Thảo	20/01/1998	ĐHSPMN	Con BB	84.0	5.0	89.0	Tám mươi chín	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Điểm sát hạch	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển ghi bằng số	Điểm xét tuyển ghi bằng chữ	Trúng tuyển
19	MN-53	Bùi Thị Uyên	17/8/1995	ĐHSPMN	Không	88.5		88.5	Tám mươi tám phẩy năm	
20	MN-05	Lê Thị Đào	30/10/1998	ĐHSPMN	Không	86.0		86.0	Tám mươi sáu	
21	MN-12	Lê Phương Hạnh	22/8/1993	ĐHSPMN	Không	80.0		80.0	Tám mươi	
22	MN-34	Nguyễn Thị Linh	26/11/1996	CĐSPMN	Không	74.5		74.5	Bảy mươi tư phẩy năm	
23	MN-24	Trần Thị Huệ	15/01/1983	ĐHSPMN	Không	67.5		67.5	Sáu mươi bảy phẩy năm	
24	MN-14	Trần Thị Hiền	16/11/1998	ĐHSPMN	Không	65.0		65.0	Sáu mươi lăm	
25	MN-15	Nguyễn Thị Hiền	9/9/1999	ĐHSPMN	Không	62.5		62.5	Sáu mươi hai phẩy năm	

 Danh sách gồm có 25 người